

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp:

- Hình thức sở hữu vốn: công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh các loại hình xổ số.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/ 01/ 2015 kết thúc vào ngày 31/ 12/ 2015).
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam đồng.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Thông tư 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 của Bộ Tài Chính. Ngoài ra, Công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (thay thế quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006), có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Thông tư 200/2014/TT-BTC, Thông tư 168/2009/TT-BTC.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn hoặc thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: ghi theo giá gốc.

- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

+ Tồn kho nguyên liệu giấy: Phương pháp nhập trước, xuất trước. Được kiểm kê định kỳ theo từng quý và không lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

(Báo cáo tồn kho nguyên liệu giấy kèm theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: ghi theo nguyên giá. Trong bảng CĐKT được phản ánh theo 3 chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ : theo phương pháp đường thẳng.

(Báo cáo trích khấu hao TSCĐ kèm theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư dài hạn khác: ghi theo giá gốc và không trích dự phòng tổn thất tài sản các khoản đầu tư.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu: Phân loại theo từng khoản nợ và chi tiết theo từng đối tượng.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả và các khoản dự phòng: theo thông tư 01/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính, về chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và các văn bản pháp luật hiện hành, gồm có sử dụng và trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng hàng quý và quyết toán khi kết thúc năm tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

- Vốn điều lệ: do nhà nước cấp và vốn tự có bổ sung từ quỹ đầu tư phát triển.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

- Doanh thu bán hàng tuân thủ đầy đủ 5 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” là:

+ Doanh số phát hành và doanh số ế vé số : theo thông tư 168/2009/TT-BTC.

+ Doanh thu vé số đã xác định tiêu thụ tuân thủ đủ 5 điều kiện.

+ Doanh thu từ tiền lãi và lợi nhuận được chia : ghi nhận trên số phải thu.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Hàng quý ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành theo luật thuế TNDN hiện hành được ghi nhận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán:

V.01 – Tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền mặt	756.200.149	160.185.152
- Tiền gửi ngân hàng	132.947.735.479	134.941.057.528
Cộng	133.703.935.628	135.101.242.680

V.02–Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Sổ tiết kiệm ngắn hạn	703.440.589.000	883.199.367.500
- Tiền gửi ngắn hạn	225.000.000.000	138.000.000.000
Tổng cộng	928.440.589.000	1.021.199.367.500

V.03–Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Phải thu lãi đầu tư từ vốn nhân rồi cty	29.689.560.275	26.647.532.295
- Chi trước chế độ thai sản đ/c Tú		5.229.914
Tổng cộng	29.689.560.275	26.652.762.209

(Báo cáo chi tiết nợ phải thu khác, báo cáo dự thu lãi kèm theo)

V.04 – Hàng tồn kho	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nguyên liệu, vật liệu	1.880.442.850	1.081.611.600
- Vé xổ số truyền thống		713.792.000
Tổng cộng	1.880.442.850	1.795.403.600

V.13– Đầu tư dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu Cty XNK Nông sản thực phẩm AG (Afiox)	3.018.750	30.706.725.000	3.018.750	30.706.725.000
- Cổ phần Cty CP Phát Tài	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
Tổng cộng:		31.206.725.000		31.206.725.000

V.18 – Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Các khoản đóng góp xã hội	178.835.000	82.635.000
- Đảm bảo dự thầu, thực hiện hợp đồng hàng quảng cáo, giấy. .	37.468.500	170.000.000
- Thu hộ tiền ký quỹ mua kỳ phiếu đại lý		280.164.366
- Quỹ BHXH 2% để lại cty chi ốm đau CNV, thu hộ BHYT của ông Lê Anh Tuấn	11.453.326	
Tổng cộng	227.756.826	532.799.366

V.22 – Vốn chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu kỳ
a/ Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn điều lệ	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh:

1. Tổng doanh thu vé số:	1.736.770.380.000 đ
2. Doanh thu thuần vé số:	1.578.882.163.644 đ
3. Doanh thu hoạt động tài chính:	31.420.787.852 đ
4. Thu nhập khác:	1.240.484.608 đ

Trong đó:

+ Thu tiền bán giấy vụn :	276.476.545 đ
+ Thu tiền từ dịch vụ cung cấp KQXS :	872.527.273 đ
+ Thu từ HĐ hủy vé hộ các nơi :	87.950.000 đ
+ Thu khác:	3.530.790 đ

5. Tổng chi phí	1.160.591.076.556 đ
_ Chi phí trả thưởng:	861.653.700.000 đ
_ Chi phí trực tiếp phát hành xổ số:	279.248.652.703 đ
+ Chi phí hoa hồng đại lý (*)	260.512.435.500 đ
+ Chi phí ủy quyền trả thưởng	831.231.400 đ
+ Chi phí phục vụ xổ số	307.437.934 đ
+ Chi phí quay số mở thưởng, giám sát khác	248.784.800 đ
+ Chi phí phòng chống số đề	61.000.000 đ
+ Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	6.731.490.000 đ

+ Chi phí công in và giấy	10.03.944.6250 đ
+ Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	496.826.819 đ
+ Chi phí đóng góp cho HĐXS khu vực	20.000.000 đ
<u>Chi phí bán hàng:</u>	10.735.143.752 đ
+ <i>Chi phí tuyên truyền quảng cáo</i>	1.880.694.942 đ
+ <i>Tài trợ học bổng</i>	3.543.625.000 đ
+ <i>Tài trợ nhà cho người nghèo</i>	4.375.000.000 đ
+ <i>Tài trợ xe cứu thương</i>	609.523.810 đ
+ <i>Tài trợ trang thiết bị giáo dục</i>	326.300.000 đ
<u>Chi phí quản lý doanh nghiệp:</u>	8.899.860.101 đ
+ Chi phí tiền lương CNV	5.601.081.500 đ
Trong đó:	
Lương làm thêm:	109.481.500 đ
Lương CB CNV	4.750.000.000 đ
Lương Ban Giám đốc	576.000.000 đ
Lương kiểm soát viên chuyên trách	138.000.000 đ
Thù lao kiểm soát viên hoạt động kiêm nhiệm	27.600.000 đ
+ Chi phí BHXH	269.211.780 đ
+ Chi phí BHYT	44.868.742 đ
+ Chi phí BHTN	14.95.6210 đ
+ Kinh phí công đoàn	29.658.000 đ
+ Chi phí phụ cấp, trách nhiệm đoàn thể	3.732.000 đ
+ Chi phí VPP, đồ dùng văn phòng	76.711.127 đ
+ Chi phí khấu hao TSCĐ	444.617.845 đ
+ Chi phí thuế, phí và lệ phí	114.260.106 đ
+ Chi phí điện nước	130.824.082 đ
+ Chi phí sửa chữa	123.805.988 đ
+ Chi phí điện thoại, điện báo	47.622.929 đ
+ Chi phí mua bảo hiểm	29.079.000 đ
+ Chi phí hội nghị, tiếp khách	905.076.835 đ
+ Chi phí xăng dầu công tác	154.091.448 đ
+ Chi phí thanh toán công lệnh công tác	202.435.000 đ
+ Chi phí công tác khác	21.759.000 đ
+ Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	6.929.010 đ
+ Chi phí bằng tiền khác	679.139.499 đ
<u>Chi phí khác:</u>	53.720.000 đ

Ghi chú:

(*) Trong tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2015: 1.736.770.380.000 đ có phần vé xuất quảng cáo: 20.810.000đ không tính hoa hồng 15%. Vì vậy chi phí hoa hồng đại lý 6 tháng đầu năm 2015 là:

$$(1.736.770.380.000 - 20.810.000) \times 15\% = 260.512.435.500 \text{ đ}$$

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Phương pháp lập báo cáo tài chính:

- Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh: Căn cứ thông tư 168/2009/TT-BTC, ngày 19/08/2009 của Bộ Tài chính.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, bản thuyết minh báo cáo tài chính: Căn cứ thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tài khoản kế toán:

- Căn cứ thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 thay thế quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tài chính, áp dụng từ năm 2015. Thực hiện thông tư 200/2014/TT-BTC, Công ty đã chuyển đổi số dư các tài khoản có liên quan như sau:

Số TT	Các tài khoản phải chuyển đổi		Các tài khoản đã chuyển đổi		Số tiền
	Số TK	Tên tài khoản	Số TK	Tên tài khoản	
1	121	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	128	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	928.199.367.500
2	139	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	229	Dự phòng tổn thất tài sản	9.081.129.856
3	142	Chi phí trả trước ngắn hạn	242	Chi phí trả trước	1.424.273.143

- Ngoài ra, Công ty thực hiện theo thông tư 168/2009/TT-BTC, hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty xổ số kiến thiết.

Ngày 08 tháng 7 năm 2015

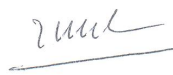
LẬP BẢNG

PHÓ PHÒNG TV – KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thành Trí



Lưu Thị Huỳnh Phương



Lý Thanh Đan